

cụ 可以知之質, 可以能之具: cái chất khả lấy mà biết, cái cụ-thể khả lấy mà hay». (Tĩnh ác, XXIII). Song cái chất khả dĩ tri và cụ-thể khả dĩ năng ấy vị tất đã biết được và vị tất đã hay được. Bởi vậy ông nói: « Kê làm nghề làm ruộng, làm thợ, đi buôn, chưa từng đã không có người nọ khả dĩ làm được việc người kia, song chưa có người nọ làm được việc người kia. Xem thể thì biết cái khả dĩ vi, vị tất đã năng được, tuy không năng được nhưng không hại cho cái khả dĩ vi. Vậy thì năng với bất năng cùng với khả và bất khả khác nhau xa lắm ». (Tĩnh ác XXIII). Thi-dụ như mắt khả dĩ trông thấy, tai khả dĩ nghe thấy, song cái khả dĩ trông thấy ấy, vị tất đã trông thấy rõ; cái khả dĩ nghe thấy ấy, vị tất đã nghe thấy suốt. Như vậy thì lương-tri vị tất đã biết được, mà lương-năng vị tất đã hay được.

Cứ theo cái thuyết ấy thì Tuân-tử cho lương-tri lương-năng là cái khả dĩ tri và cái khả dĩ năng, chứ không phải là tri và năng. Nhưng thiết-tưởng ý-kiến ấy không đúng, vì xét kỹ ra người ta vẫn có cái lương-tri lương-năng, quý hơn cái tri và cái năng thường. Nhờ có cái lương-tri, ta mới hiểu được những điều cao-xa siêu-việt, và có lương-năng, ta mới làm được những việc khó-khăn một cách rất mau-mắn. Song vì cái học của Tuân-tử chỉ chuyên dùng lý-tri cho nên ông không nhận có lương-tri, lương-năng. Đó là một điều sở đoản trong cái học của Tuân-tử.

Nói rút lại, Tuân-tử nhất quyết cho tính tự-nhiên là ác. Tuy-nhiên, tính ấy có thể làm thành ra thiện được. Cho nên về đường giáo-dục ông rất chú-ý về sự kiều-tính.

Giáo - dục. Cái tính đã ác, thì cái chủ-dịch sự giáo-dục là cần phải uốn-nắn cái tính lại cho thiện. Tuân-tử nói: « Tính là cái ta không thể làm ra được, nhưng có thể hóa đi được. Tính là không phải tự-nhiên ta có được, nhưng có thể làm cho có được. Chú-ý làm-lụng, tập thành

thói quen để hóa cái tính, gồm cả làm một mà không hại, để thành ra cái tích-tập. Cái tập-tục đổi cái chi, yên lâu đổi cái chất (Tập tục di chi, an cửu di chất 習俗移志, 安久移質), gồm cả làm một mà không hại, thì chóng đạt đến thần-minh, tham-dự với trời đất... Người thường mà tích thiện và toàn hết được điều thiện, thì gọi là thánh-nhân. Ai có cầu thì rồi mới được, có làm thì rồi mới nên, có tích mãi lên thì rồi mới cao, có hết cái thiện thì rồi mới là thành, cho nên thánh-nhân là người tích nhiều đức-hạnh. Người ta tích việc cày-cấy mà làm kẻ nông-phu, tích việc đục-đẽo mà làm người thợ, tích hàng-hóa mà làm người buôn-bán, tích lễ-nghĩa mà làm người quân-tử. Con người làm thợ không dựa nào là không nối nghề của cha, mà dân trong nước không ai là không yên quen lối mặc của mình. Ở nước Sở mặc theo lối nước Sở, ở nước Việt mặc theo lối nước Việt, ở đất Trung-hạ mặc theo lối Trung-hạ, ấy không phải là thiên-tính, nhưng là thuận theo cái tích-tập mà khiến ra như thế. Cho nên người nào biết cần sự chú-thổ, thận cái tập-tục, làm vĩ-dại cái tích-lập, thì làm quân-tử, buông cái tính-tình mà không đủ học-vấn, thì làm tiểu-nhân. Làm quân-tử thì thường yên và vinh, làm tiểu-nhân thì thường nguy và nhục. Phàm người ta ai chẳng muốn yên và vinh mà ghét nguy và nhục, song chỉ có quân-tử mới làm được những điều mình thích, tiểu-nhân thì càng ngày càng gây thêm những điều mình ghét ». (Nho-hiệu, VIII).

Sự giáo-dục của quân-tử chủ ở sự tích 積, nghĩa là góp thành cái thói quen, cứ làm mãi điều thiện, để sửa-đổi cái tính ác tự-nhiên của người ta. Lối giáo-dục ấy nếu biết cách dùng thì không phải là không có giá-trị, nhưng về sau dùng bậy, thành ra lối áp-chế đè-nén, làm mất nhân-cách tự-chủ của con người ta, và thành một lưu-tệ trong sự giáo-dục của người Á-đông ta từ xưa đến nay vậy.

Sự pháp. Bởi sự giáo-dục phải đè-nén đè đổi cái tính ác cho nên Tuân-tử rất trọng thầy và phép. Ông nói:

« Người không có thầy, không có phép mà biết, thì tất đi ăn trộm, dưng-mãnh thì tất đi làm giặc, tài giỏi thì làm loạn, xem-xét thì làm những điều quái-lạ, biện-luận thì nói những điều hoang-dường giả-dối. Người có thầy có phép mà biết, thì chóng thông; dưng-mãnh thì chóng có oai; tài giỏi thì chóng thành; xem-xét thì chóng biết hết lý; biện-luận thì chóng biết phải-trái. Cho nên có thầy, có phép là cái của quý của người ta; không có thầy, không có phép là cái của lớn của người ta vậy. Người mà không có thầy, không có phép, thì trọng cái tính; có thầy có phép, thì trọng cái tích-tập. Theo thầy và theo phép là sở đắc ở cái tính, mà không phải sở thụ ở cái tính. Tính không đủ để độc-lập mà trị » (*Nho-hiệu, VIII*).

Sự giáo-dục của Tuân-tử là cần phải có thầy và có phép để uốn-nắn cái tính người ta, mà cái hiệu-quả là cốt ở tích-tập, nghĩa là phải học tập nhiều thì mới hay được.

Học. Tuân-tử cho sự học là sự rất cần cho người ta. Có học mới nên người ngay-lành được, cho nên nói : « Nhân chi ư văn học giả, do ngọc chi ư trác ma giả 人之於文學也,猶玉之於琢磨也 : người ta đối với văn-học cũng như hòn ngọc đối với sự mài-dũa » (*Đại-lược, XXVII*). Song học thì phải thế nào? Học phải theo cái khuôn-phép của thánh-hiền mà luyện-tập lấy mình. Tuân-tử nói : « Học không phải theo cái của mình có (học bất khả dĩ kỷ 學不可以己). Màu xanh lấy ở màu chàm ra mà hơn màu chàm; vàng đồng bởi nước thành ra mà lạnh hơn nước. Cây gỗ lúc thẳng theo đúng cái dây, đem uốn làm bánh xe, thì cái cong theo đúng cái thước tròn, dù có đem phoir ra cũng không thẳng lại được nữa, vì cái uốn khiến ra như thế. Cho nên cây gỗ theo dây thì thẳng, loài kim đã mài là sắc, người quân-tử học rộng mà một ngày ba lần xét lại mình, thì biết rõ mà làm việc không có lầm vậy » (*Khuyến-học, I*). Ông cho sự học của người ta là cốt làm cho mất cái ác của mình đi để thành ra thiện. Làm được

như thế là nhờ có cái ngoài giúp vào mới có công-hiệu; chứ cứ lấy cái của mình có sẵn thì không bao giờ nên được. « Quân-tử sinh phi dĩ giả, thiện giả ư vật giả 君子生非異也,善假於物也 : người quân-tử không phải là sinh ra khác người ta, vì khéo mượn cái vật ở ngoài vậy ». (*Khuyến-học, I*). Mượn cái ngoài để học-tập mãi mãi lâu ngày ắt là thành công. « Không góp từng nửa bước, không đi đến nghìn dặm được, không góp những ngôi nhỏ, không nên được sông lớn, bề cả. Thành công là ở sự làm luôn luôn mà không bỏ. Khắc chàm mà bỏ thì dầu gỗ mục cũng không đục được, khắc chàm mà không bỏ thì dầu vàng đá cũng làm được » (*Khuyến-học, I*). Vậy sự học của người ta phải chuyên-nhất thì rồi mới rèn-đúc ra được cái nhân-cách tôn-quí.

Cái học của người quân-tử không phải là cái học ở cửa miệng, phải học cho hóa cả cái tâm-thần, biến cả cái bản-tính xấu của mình, khiến cho sự ngôn-ngữ, việc hành-động đều có thể làm khuôn làm phép cho người ta theo được. Cái học ấy khác với cái học của tiểu-nhân chỉ vụ lấy sự tai nghe, miệng nói mà thôi, chứ không có ích gì cho tâm-thần. Cho nên nói : « Quân-tử chi học giả, nhập hồ nhĩ, trứ hồ tâm, bố hồ tứ thê, hình hồ động tĩnh, suyễn nhi ngôn, nhuễn nhi động, nhất khả dĩ vi pháp tắc; tiểu-nhân-chi học giả, nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu : khẩu nhĩ chi gian tắc tứ thốn hỹ, hạt túc dĩ mĩ thất xích chi khu tại ? 君子之學也,入乎耳,著乎心,布乎四體,形乎動靜,端(7)而言,蠕而動,一可以為法則;小人之學也,入乎耳,出乎口:口耳之間則四寸矣,曷足以美七尺之軀哉? Sự học của người quân-tử, vào ở tai, rõ ra ở tâm, hiện ra ở tay chân, thở ra mà nói, cụ-cự mà động, đều là có thể lấy làm phép-tắc; sự học của kẻ tiểu-nhân, vào ở tai ra ở miệng; khoảng từ tai đến miệng có bốn tấc, sao đủ làm

(7) Chữ 端 đây là chữ 喘 suyễn.

cho đẹp cái thân bấy thưở được? » (*Khuyến-học, I*).
Thật kẻ học-giả là học để sửa mình cho ngay-lành, chứ không phải là học để khoe với người và để làm những điều giả-dối, phi nhân phi nghĩa. « *Cồ chi học - giả vị kỷ, kim chi học - giả vị nhân. Quân-tử chi học giả, dĩ mỹ kỳ thân; tiểu-nhân chi học giả, dĩ vi cầm độc* 古之學者為己, 今之學者為人. 君子之學也, 以美其身; 小人之學也, 以為禽犢: kẻ học-giả đời xưa là vì mình, kẻ học-giả đời nay là vì người. Sự học của quân-tử là để làm cho đẹp cái thân mình; sự học của tiểu-nhân là để làm giống chim-muông ». (*Khuyến-học, I*).

Học thì phải biết, biết thì phải làm, chứ không phải là học cho biết để lấy cái biết của mình mà lừa-dối thiên-hạ, rồi chính mình lại không làm những điều mình biết. Tuân-tử cho sự biết với sự làm là một, nghĩa là biết mà làm được mới thực là biết. Nếu biết mà không làm được thì sự biết ấy không phải là thật biết. Ông nói: « *Bất văn bất nhược văn chi, văn chi bất nhược kiến chi, kiến chi bất nhược tri chi, tri chi bất nhược hành chi. Học chi ư hành chi nhi chi hỹ. Hành chi minh giả, minh chi vi thành-nhân. Thành-nhân giả giả bản nhân nghĩa, đương thị phú, tề ngôn hạnh, bất thất hào ly. Vô tha đạo yển, dĩ hồ hành chi hỹ* 不聞不若聞之, 聞之不若見之, 見之不若知之, 知之不若行之. 學至於行之而止矣. 行之明也, 明之為聖人. 聖人者也本仁義, 當是非, 齊言行, 不失毫釐. 無他道焉, 已乎行之矣: chẳng nghe chẳng bằng nghe, nghe chẳng bằng trông thấy, trông thấy chẳng bằng biết rõ, biết rõ chẳng bằng làm được. Học đến làm được mới thôi. Làm được là sáng-suốt mọi việc, sáng-suốt mọi việc thì làm thành-nhân. Thành-nhân là người lấy nhân-nghĩa làm gốc, định rõ phải-trái, lời nói với việc làm như nhau, không sai-lầm một hào một ly nào. Học đến làm được mới thôi. Không có đạo nào khác nữa. » (*Nho-hiệu, VIII*).

Tuân-tử cho cái biết có làm được, mới thật là biết. Về sau đến đời nhà Minh, có cái thuyết « *tri hành hợp nhất* » của Vương Dương-Minh thật là khởi-phát từ đó vậy.

Tuân-tử cho sự học có đầu có cuối. Học cho đến bậc người hoàn-toàn, cho hết đời mới thôi. « Sự học khởi đầu ở đâu, cuối-cùng ở đâu? Rằng: cái thuật thì khởi đầu đọc các kinh, cuối-cùng thì đọc lễ; cái nghĩa thì khởi đầu làm người học-trò, cuối-cùng làm bậc thành-nhân. Lòng thành-thực tích được nhiều, việc làm lâu thì mới thấu tới cái học. Học đến chết thì sau mới thôi. Cho nên cái thuật học thì có cùng, mà cái nghĩa sự học thì không có giây-phút nào bỏ được. Làm điều ấy là người, bỏ điều ấy là cầm-thú vậy » (*Khuyến-học, I*).

Sĩ và quân-tử. Đã là người đi học, tức là kẻ sĩ, thì phải có tư-cách kẻ sĩ, và phải biết cái đức-hạnh của người quân-tử là thế nào. Kẻ sĩ phải lo sửa mình cho ngay-chính, chứ không cần phải theo thói thường. « *Phủ sĩ dục độc tu kỳ thân, bất dĩ得罪于比俗之人也: kẻ học-trò muốn một mình sửa lấy một mình, không lo có tội với người thường-tục* ». (*Tu-thân, II*). Kẻ sĩ cũng có năm bảy kẻ sĩ: có kẻ thông-sĩ, có kẻ công-sĩ, có kẻ trực-sĩ, có kẻ xác-sĩ, có kẻ tiểu-nhân. Trên thì có thể làm cho tôn-trọng bậc quân-vương, dưới thì có thể yên dân, vật đến thì tiếp-ứng được, sự dấy lên thì biện-luận được, như thế là bậc thông-sĩ. Không theo kẻ dưới mà làm tối bậc trên, không đồng ý với bậc trên mà ghen-ghét kẻ dưới, lấy cái trung mà phân-tranh, không lấy cái tư mà hại cái trung, như thế gọi là bậc công-sĩ. Cái hay của mình dẫu bậc trên không biết, cũng không oán-giận mà là trái đấng quân-vương; cái dở của mình, dẫu bậc trên không biết, cũng không nhận cái thưởng, không khoe cái hay của mình, không che cái dở của mình, cứ lấy tình thật mà làm hết cái lòng trung-trực, như thế gọi là kẻ trực-sĩ. Lời nói ngày thường là

phải tin, việc làm ngày thường là phải cần-thận, sợ theo cái lưu-tục mà cũng không dám riêng một mình làm quá ra là người quân-tử, như thế là kẻ xác-sĩ. Nói không thường tin, làm không thường chính, chỉ biết có lợi mà thôi, hề có lợi là khuynh-hướng theo, như thế là kẻ tiểu-nhân » (Bất cấu, III). Kẻ sĩ đâu thế nào cũng không bỏ nghĩa mà theo lợi. « Thân lao nhi tâm an, vi chi : lợi thiếu nhi nghĩa đa, vi chi ; sự loạn quân nhi thông, bất như sự cùng quân nhi thuận yên 身勞而心安, 爲之 ; 利少而義多, 爲之 ; 事亂君而通, 不如事窮君而順焉 : mình khó nhọc mà bụng yên, thì cứ làm ; lợi ít mà nghĩa nhiều, thì cứ làm ; thờ ông loạn quân mà thông đạt, không bằng thờ ông cùng quân mà thuận hành cái đạo ». (Tu thân, II). Kẻ sĩ và người quân-tử thì lúc nào cũng lo sửa đạo, chứ không lo cái nghèo-dói. « Sĩ quân-tử bất vi bần-cùng đãi hồ đạo 士君子不爲貧窮怠乎道 : kẻ sĩ và người quân-tử không vì nghèo cùng mà lười bỏ cái đạo ». (Tu thân, IV).

Người quân-tử và kẻ tiểu-nhân khác nhau là thế nào ? « Quân-tử dịch vật, tiểu-nhân dịch ư vật 君子役物, 小人役於物 : người quân-tử dịch-sử các vật, kẻ tiểu-nhân dè các vật dịch-sử mình » (Tu thân, II). Người đã dè ngoại vật dịch-sử được, thì thành ra mất tự-chủ và chỉ làm nô-lệ ngoại vật. — « Quân-tử đại tâm tắc thiên nhi đạo, tiểu tâm tắc úy nghĩa nhi tiệt... Tiểu-nhân tắc bất nhiên, đại tâm tắc mạn nhi bạo, tiểu tâm tắc dâm nhi khuynh 君子大心則天而道, 小心則畏義而節... 小人則不然, 大心則慢而暴, 小心則淫而傾 (8) : người quân-tử mở rộng cái tâm ra thì hợp với Trời mà thuận đạo, thu cái tâm nhỏ lại thì lo sợ điều nghĩa mà có tiết-dộ... Kẻ tiểu-nhân thì không thế, mở rộng cái tâm ra thì ngạo-mạn mà bạo-ngược, thu nhỏ cái tâm lại thì dâm-dăng mà nghiêng-lệch » (Bất cấu, III). Tuân-

(8) Đại tâm 大心 là đem cái tâm bao-quát việc to lớn ; tiểu-tâm 小心 là đem cái tâm chú vào việc nhỏ-mọn, tức là nói cần-thận ở việc ấy.

tử nói : « Phàm người ta có một cái như nhau, là dối thì muốn ăn, rét thì muốn ấm, nhọc thì muốn nghỉ, thích cái lợi mà ghét cái hại, ấy là cái mà người ta ai sinh ra cũng có cả ». (Vinh-nhục, IV). Nhưng chỉ khác nhau có cái đạo-lý. Hễ người biết ăn-ở cho phải đạo-lý là quân-tử, mà ăn-ở trái với đạo-lý là tiểu-nhân, cho nên nói : « Tài, tính, tri, năng, quân-tử tiểu-nhân nhất giả. Hiếu vinh, ố nhục, hiếu lợi, ố hại, thị quân-tử tiểu-nhân chi sở đồng giả, nhược kỳ sở dĩ cầu chi chi đạo tắc dị hỹ 材, 性, 知, 能, 君子小人一也. 好榮, 惡辱, 好利, 惡害, 是君子小人之所同也, 若其所以求之之道則異矣 : cái bản-năng, cái tính, cái khôn, cái giỏi, thì quân-tử tiểu-nhân cùng là một cả. Muốn cái vinh, ghét cái nhục, muốn cái lợi, ghét cái hại, ấy là quân-tử và tiểu-nhân giống như nhau cả, chỉ khác có cái lối theo cầu những điều đó mà thôi ». Ông lại giải rõ cái lối khác nhau là thế nào : « Kẻ tiểu-nhân hay làm những điều không thật mà muốn người ta tin mình, hay làm những điều gian trá mà muốn người ta thân mình, làm những việc cầm - thù mà muốn người ta cho mình là phải, nghĩ thì khó biết, làm thì khó yên, giữ thì khó vững, thành-đạt thì ắt không được cái mình muốn mà ắt gặp cái mình ghét. Người quân-tử có tin rồi mới muốn người ta tin mình ; ngay-thẳng rồi mới muốn người ta thân mình ; sửa cái trung-chính, trị sự biện-biệt, rồi mới muốn người ta cho mình là phải ; nghĩ thì dễ biết, làm thì dễ yên, giữ thì dễ vững, thành - đạt ắt được cái mình muốn, không gặp cái mình ghét, vậy nên cùng thì không ai ần-tế được, thông thì rất sáng rõ, thân chết mà cái danh càng minh-bạch. Kẻ tiểu-nhân thì không lúc nào là không vượn cồ nhón chân mà muốn rằng mình khôn-ngoaan tài giỏi hơn người, chứ không biết rằng cái mình có và cái người ta có không khác gì nhau, chỉ khác ở sự chú - thổ của người quân-tử thì chính - đáng, mà sự chú - thổ của mình thì quá độ. Xét rõ cái trí-năng của kẻ tiểu-nhân thì biết có

thừa khả làm được việc của người quân-tử làm. Vì như người nước Việt yêu cái tục nước Việt, người nước Sở yêu cái tục nước Sở, người quân-tử yêu ở việc ngay-chính, ấy không phải là bởi trí, năng, tài, tính, nhưng bởi sự chủ-thổ tập-tục khác nhau... *Cổ quân-tử đạo kỳ thường, nhi tiều-nhân đạo kỳ quái* 故君子道其常,而小人道其怪: cho nên người quân-tử nói cái thường mà kẻ tiều-nhân nói cái quái-lạ » (Vinh-nhục, VI).

« Người quân-tử không có tước mà quý, không có lộc mà giàu, không nói mà tin, không giận mà có oai, ở chỗ cùng khổ mà vinh, ở một mình mà vui, há lại không phải là cái tình chí tôn, chí phú, chí trọng, chí nghiêm, đều tích cả ở đó hay sao?... Cho nên người quân-tử chỉ vụ sửa lấy bề trong mà nhường ở bề ngoài, vụ tích đức ở thân mình mà xử lấy theo đạo. Như thế thì cái danh quý khởi lên như mặt-trời mặt-trăng, tiếng thiên-hạ hưởng-ứng như sấm sét » (Nho-hiệu, VIII). Vậy người quân-tử chỉ lo sửa mình mà làm điều thiện, chứ không cầu người ta quý mình, tin mình và dùng mình. « Người quân-tử có thể làm cho mình khả quý, không thể khiến người ta tất phải quý mình; có thể làm cho mình khả tin, không có thể khiến người ta tất phải tin mình; có thể làm cho mình khả dùng được, không có thể khiến người ta tất phải dùng mình. (Quân-tử năng vi khả quý, bất năng sử nhân tất quý kỷ; năng vi khả tin, bất năng sử nhân tất tin kỷ; năng vi khả dụng, bất năng sử nhân tất dụng kỷ 君子能為可貴,不能使人必貴己;能為可信,不能使人必信己;能為可用,不能使人必用己). Cho nên người quân-tử thẹn không sửa mình, không thẹn vì người ta làm ô-uế mình, thẹn không tin mình được, không thẹn vì người ta không tin mình; thẹn mình không giỏi, không thẹn vì người ta không dùng mình. Thế mới không bị lời khen quyến-dụ, không sợ lời chê-bai, cứ theo đạo mà đi, đoan-nhiên giữ mình cho ngay-chính, không để ngoại vật làm nghiêng-lệch. Thế gọi là thật quân-tử » (Phi-thập-nhị-tử, VI).

Người quân-tử sở dĩ hơn người là lúc nào cũng biết theo cái công-nghĩa mà không theo cái tư-dục. « *Quân-tử chỉ năng dĩ công nghĩa thắng tư dục giả* 君子之能以公義勝私欲也: người quân-tử có thể lấy công-nghĩa mà thắng được cái tư-dục vậy » (Tu thân, II). Còn việc cùng hay thông là cái mệnh, nếu ta biết « lạc thiên tri mệnh » thì dầu có khốn - cùng thế nào, trong lòng cũng vui làm việc đạo-nghĩa.

Làm người quân - tử thường chỉ được sướng ở trong bụng, chứ không phải là bao giờ cũng phú-quí vinh-hoa. Những người trung-nghĩa xưa nay đã mấy ai được thỏa chí bao giờ? Tuân-tử dẫn lời Khổng-tử nói với thầy Tử-Lô mà thích rõ cái cảnh-ngộ của người quân-tử: « *Phù ngộ, bất ngộ giả, thời giả. Hiền, bất tiểu giả, tài giả. Quân-tử bác học thâm mưu, bất ngộ thời giả đa hỹ* 夫遇,不遇者,時也.賢,不肖者,材也.君子博學深謀,不遇時者多矣: gặp hay không gặp là thời. Giỏi hay không giỏi là cái bản-năng. Người quân-tử học rộng mưu sâu, mà không gặp thời, nhiều lắm vậy » (Hữu tọa, XXVIII). Vậy người đi học là cốt gây lấy nhân-cách cho được tự quý tự cao, còn cái cảnh-ngộ bề ngoài, thì được phận nào hay phận ấy, không nên lấy việc ấy làm quan-ngại. Người quân-tử chỉ cốt lúc nào cũng lo sửa mình và phải làm những điều nhân-nghĩa, trí - dũng, trung - hiếu, để cho trọn cái danh - nghĩa làm người ở đời. Người tiều-nhân thì không thế, trong bụng giả - dối mà chỉ cầu lấy được danh - vọng ở ngoài. « *Tiều-nhân bất thành ư nội, nhi cầu chi ư ngoại* 小人不誠於內,而求之於外: kẻ tiều-nhân không thành-thực ở trong bụng mà cầu cái ở ngoài » (Đại-lược, XXVII). Vậy nên kẻ tiều-nhân dầu khôn-khéo thế nào cũng vẫn là tiều-nhân.

Nhân - nghĩa. Tuân - tử theo tông - chỉ của Nho - giáo lấy nhân - nghĩa, trí - dũng, trung - hiếu mà dạy người ta. Song Khổng-tử thì chủ lấy chữ nhân nói gồm cả cái trực-giác mẫn-nhuệ và lòng tự ái suốt đến vạn vật mà vẫn giữ

có trật-tự phân-minh; Tuân-tử thì chỉ hiểu cái nghĩa hẹp chữ *nhân* là *ái* mà thôi, tức là cái nghĩa chữ *nhân* của người ta thường dùng. Ông nói ở thiên *Đại lược*: (*Nhân, ái giả... nghĩa, lý giả 仁, 愛也... 義, 理也*: *nhân* là yêu vậy..., *nghĩa* là lý vậy); và nói ở thiên *Nghị-bình*: «*Nhân giả ái nhân, nghĩa giả tuần lý 仁者愛人, 義者循理*: *nhân* là yêu người, *nghĩa* là theo lý». Vậy chữ *nhân* của Tuân-tử chỉ là một đức-tính tốt nói về lòng yêu thương người mà thôi. Tuân-tử thường hay đem chữ *nghĩa* mà đối với chữ *lợi*. Ông cho *nghĩa* với *lợi* thì ai cũng muốn, nhưng người quân-tử thì biết biện-biệt cái khinh cái trọng, cho nên sự hành-động bao giờ cũng hợp đạo-lý «*Nghĩa dữ lợi giả, nhân chi sở lưỡng hữu giả 義與利者, 人之所兩有也*: *nghĩa* với *lợi* là người ta có cả hai vậy». Nhưng hễ người ta biết khiến lòng hiếu-nghĩa thắng được lòng dục lợi, thì thành ra hay, mà dè lòng dục lợi dè được lòng hiếu-nghĩa, thì thành ra dở «*Nghĩa thắng lợi giả vi trị thế, lợi khắc nghĩa giả vi loạn thế 義勝利者為治世, 利克義者為亂世*: *nghĩa* thắng được *lợi* là đời trị, *lợi* dè được *nghĩa* là đời loạn». (*Đại-lược*, XXVII). Cho nên nói: «*Tiên nghĩa nhi hậu lợi giả vinh, tiên lợi nhi hậu nghĩa giả nhục 先義而後利者榮, 先利而後義者辱*: *nghĩa* trước mà *lợi* sau là vinh, *lợi* trước mà *nghĩa* sau là nhục». (*Vinh-nhục*, IV).

Không phải là Tuân-tử bỏ hết điều lợi, nhưng ông cho là điều lợi mà theo điều nghĩa thì cái lợi có phần lớn hơn. Cái lợi do cái nghĩa mà ra là cái lợi chính-đáng, không việc gì phải bỏ, miễn là lúc nào cũng phải theo như lời Khổng-tử đã dạy: «*Kiến lợi tư nghĩa 見利思義* thấy điều lợi nghĩ đến điều nghĩa» là được.

Trí - dũng. Người quân-tử phải có trí và có dũng, nhưng phải biết phân-biệt thế nào là cái trí và cái dũng của người quân-tử, và thế nào là cái trí và cái dũng của kẻ tiểu-nhân. Tuân-tử nói: «Có cái trí của thánh-nhân,

có cái trí của kẻ sĩ và quân-tử, có cái trí của tiểu-nhân, có cái trí của đũa địch-phu. Nói nhiều thì có văn-vẻ và có thống-loại, nghị-luận suốt ngày về những điều mình nói, thiên cử vạn biến, mà cái thống loại vẫn là một, ấy là cái trí của thánh-nhân.

«Nói ít thì dễ-dàng mà rõ-rệt, nghị-luận có khuôn-phép, không có phóng-túng, như kéo thẳng cái dây, ấy là cái trí của kẻ sĩ và quân-tử.

«Lời nói thì siểm, việc làm thì trái với lời nói, làm việc thì nhiều sự khinh-nhờn, ấy là cái trí của kẻ tiểu-nhân.

«Thoảng-thỉnh, bộp-chộp mà không có thống-loại, kỳ-quặc, viển-vông mà không dùng được, gầy-gọn, nhanh-nhau, tỉnh-tường mà không vụ lấy thiết-thực, không kể việc phải việc trái, không bàn đến điều cong điều thẳng, chủ-ý chỉ kỳ lấy tranh thắng với người ta, ấy là cái trí của đũa địch-phu vậy» (*Tính ác*, XXIII).

Dũng cũng có ba thứ: «Cò thượng dũng, có trung dũng, có hạ dũng. Khi thiên-hạ có đạo trung, thì mình quả cảm mà giữ cái thẳng của mình, không nương-dựa vào đâu cả; dấng tiên-vương có đạo thì mình quả cảm theo cái ý mà làm, trên không theo ông vua đời loạn, dưới không theo dân đời loạn; chỗ có nhân thì không biết có sự bần-cùng, chỗ không có nhân thì không biết có sự phú-quí (*nhân chi sở tại vô bần - cùng, nhân chi sở vong vô phú - quý 仁之所在無貧窮, 仁之所亡無富貴*). Thiên-hạ biết đến thì đồng vui-khò với thiên-hạ; thiên-hạ không biết đến thì chững-chạc đứng một mình trong khoảng trời đất mà không sợ, ấy là thượng dũng.

«Lễ thì cung mà ý thì kiếm, chính-tề ở sự tin mà khinh-bĩ tài-hóa. Ai là người hiền thì dám suy-tôn mà kinh-chuộng, ai là kẻ bất tiểu thì dám đầy ra mà bỏ đi, ấy là trung-dũng.

«Rẻ mình mà trọng của-cải, yên mình ở chỗ hoạn nạn mà hay dùng lời bông-lông giải-thuyết mọi điều, cầu-

thả mà không kể điều phải điều trái, chủ-ý chỉ kỳ lấy tranh thắng với người ta, ấy là hạ dũng». (*Tĩnh ác, XXIII*).

Hễ kẻ học-giả không biết dùng cái dũng cho chính-dáng thì thành ra trái với đạo-lý và làm mất cái phẩm-giá của người quân-tử. Bởi vậy Tuân-tử lại nói : « Có cái dũng của hạng cầu-trệ, có cái dũng của bọn đi buôn và đi ăn trộm, có cái dũng của kẻ sĩ và người quân-tử.

« Tranh ăn tranh uống, không có liêm-sĩ, không biết phải-trái, không tránh chỗ đau chỗ chết, không sợ người đông sức mạnh, mờ mờ vậy chỉ thấy lợi về ăn-uống mà thôi, ấy là cái dũng của hạng cầu-trệ. Vì việc làm và điều lợi, tranh của-cải, không có từ-nhượng, quả cảm làm liều, tham quá độ mà trái phép, mờ mờ vậy chỉ thấy cái lợi mà thôi, ấy là cái dũng của bọn đi buôn và đi ăn-trộm. Khinh cái chết mà bạo-ngược, ấy là cái dũng của kẻ tiểu-nhân. Cứ cái nghĩa thì theo, không khuynh-hướng về quyền-thế, không đoái-tưởng đến lợi-lộc, đem cả một nước mà cho, cũng không thêm nhìn, trọng cái chết, giữ cái nghĩa mà không rối, ấy là cái dũng của kẻ sĩ và người quân-tử » (*Vinh-nhục, IV*).

Trung-hiểu. Trung-hiểu là những đức tốt, ai cũng phải theo, song người đi học phải biết biện-biệt thế nào là thật trung, thật hiểu. Tuân-tử nói : « *Nhập hiểu xuất lễ, nhân chi tiểu hạnh giả ; thượng thuận hạ đốc, nhân chi trung hạnh giả ; tông đạo bất tông quán, tông nghĩa bất tông phụ, nhân chi đại hạnh giả* 八孝出弟,人之小行也 ; 上順下為,人之中行也 ; 從道不從君,從義不從父,人之大行也 : vào hiểu ra lễ là cái tiểu hạnh của người ta ; thuận theo người trên, thân yêu kẻ dưới, là cái trung hạnh của người ta ; theo đạo mà không theo vua, theo nghĩa mà không theo cha, là cái đại hạnh của người ta vậy » (*Tử-đạo, XXIX*).

Người làm tôi có bốn hạng : « Có bậc đại trung, có bậc thứ trung, có bậc hạ trung, có kẻ quốc tặc. Lấy đức mà báo-đáp vua để hòa được vua ấy là bậc đại trung. Lấy đức để sửa lỗi của vua mà giúp vua, ấy là bậc thứ trung. Lấy điều phải mà can-ngăn điều trái, làm cho vua giận, ấy là bậc hạ trung. Không lo đến sự vinh, sự nhục của vua, không lo đến nước hay hay dở, chỉ thâu-hợp cầu-dung để giữ lấy lợi-lộc, nuôi lấy sự giao-thông bè-dã, ấy là kẻ quốc tặc vậy ». (*Thần-đạo, XIII*).

Người làm con hiếu có ba hạng : « Người con hiếu có ba điều sở dĩ không theo mệnh cha. Theo mệnh thì cha mẹ nguy, không theo mệnh thì cha mẹ yên, người hiếu-tử không theo mệnh là hợp với đạo trung. Theo mệnh thì cha mẹ nhục, không theo mệnh thì cha mẹ vinh, người hiếu-tử không theo mệnh là hợp với điều nghĩa. Theo mệnh là cầm-thú, không theo mệnh thì làm cho cha mẹ được về-vang, người hiếu-tử không theo mệnh là kính cha mẹ. Cho nên điều đáng theo mà không theo là không phải đạo làm con, chưa nên theo mà đã theo là không hợp đạo trung. Biết rõ cái nghĩa đáng theo và không đáng theo mà lại hết sức cung-kinh, trung-tín, đoan xác, rồi cứ cẩn-thận mà làm, thế gọi là đạo hiếu vậy » (*Tử-đạo, XXIX*).

Người học-giả phải biết rõ những điều phải trái. Dẫu cái đức tốt thế nào mà mình không biết dùng cho hợp đạo-lý thì cũng thành ra dở. Người quân-tử sở dĩ khác kẻ tiểu-nhân chỉ có sự biện-biệt rõ cái đáng làm và không đáng làm đó mà thôi.

Lễ-nhạc. Hậu-nho thường cho cái học của Tuân-tử thiên về mặt *thượng lễ*. Mới nghe tưởng là lời ấy không được đúng, vì Nho-giáo bao giờ cũng lấy lễ-nhạc làm trọng chứ không riêng gì cái học của Tuân-tử. Song xét ra thì lời phê-bình ấy cũng không phải là lầm lẫn, vì chừng Tuân-tử đã xướng lên cái thuyết tĩnh ác, thì tất là về đường giáo-duc phải dùng lễ-nghĩa để kiềm-sức cái bản-tính và dùng

âm-nhạc để hàm-dưỡng cái tinh-dục của người ta. Tuân-tử lại quá thiên về mặt dùng lễ-nghĩa. Ông nói: « *Lễ giả nhân đạo chi cực giả* 禮者人道之極也: lễ là cái cùng-cực của đạo người vậy » (*Lễ-luận, XIX*). Tu thân, trị quốc, việc gì ông cũng lấy hai chữ *long lễ* 隆禮 làm đầu. Bởi vậy cái học của ông thành ra một mối cực đoan trái với cái học của Không-tử.

Lễ. Tuân-tử cho lễ là bởi người quân-tử đặt ra để điều lý vạn sự và giữ cái mối trị trong thiên-hạ, cho nên nói rằng: « *Thiên địa giả sinh chi thủ giả, lễ nghĩa giả trị chi thủ giả, quân-tử giả lễ nghĩa chi thủ giả* 天地者生之始也, 禮義者治之始也, 君子者禮義之始也: trời đất là cái đầu sự sinh, lễ-nghĩa là cái đầu sự trị, quân-tử là cái đầu lễ-nghĩa » (*Vương-chế, IX*). Chữ *thủ* ở đây tức là cái gốc vậy. Người quân-tử chế ra lễ-nghĩa để làm cho trên có vua có thầy, dưới có cha có con, lập thành cái gốc lớn của thiên-hạ. Nếu không có cái gốc lớn ấy thì thành ra loạn.

Tại làm sao mà có lễ? « Người sinh ra là có lòng muốn, muốn mà không được thì không thể không tìm, tìm mà không có chừng - mực, giới - hạn, thì không thể không tranh. Tranh thì loạn, loạn thì khốn-cùng. Tiên-vương ghét cái loạn, cho nên chế lễ-nghĩa để phân ra trật-tự, để nuôi cái muốn của người ta, cấp cái tìm của người ta, khiến cái muốn không đến cùng-kiệt các vật, các vật không làm cùng-kiệt cái muốn; các vật với cái muốn phù-tri lẫn nhau mà sinh-trưởng, ấy là cái sở khởi của lễ. Cho nên lễ là nuôi vậy. Bậc quân-tử đã được cái nuôi, lại muốn cái phân-biệt. Sao gọi là phân-biệt? Rằng: sang hèn có bậc, lớn nhỏ có khác nhau, nghèo giàu khinh-trọng đều có cái xứng-dáng vậy » (*Lễ-luận, XIX*).

Tuân-tử nói: « Lễ có ba cái gốc: trời đất là cái gốc sự sinh, tiên-tổ là cái gốc chủng-loại, vua và thầy là cái gốc sự trị. Không có trời đất thì ở đâu mà sinh, không có

tiên-tổ thì ở đâu mà ra, không có vua có thầy thì lấy đâu mà trị. Ba điều ấy mà thiếu đi một là người ta không yên được. Cho nên trên thờ Trời, dưới thờ đất, tôn tổ-tiên, trọng vua và thầy, ấy là ba gốc của lễ vậy » (*Lễ-luận, XIX*).

Chữ *lễ* của Tuân - tử cũng có nghĩa rất rộng, đối với người nào cũng phải có lễ. « *Lễ giả giả, qui giả kính yên, lão giả hiếu yên, trưởng giả để yên, ấu giả từ yên, tiện giả huệ yên* 禮也者, 貴者敬焉, 老者孝焉, 長者弟焉, 幼者慈焉, 賤者惠焉: lễ là đối với kẻ qui thì kính, đối với kẻ già thì hiếu-thảo, đối với kẻ lớn thì thuận, đối với người trẻ thì từ-thiện, đối với kẻ hèn thì có ân-huệ » (*Đại-lược, XXVII*). Nhất là về sự thờ-phụng kẻ sống, cúng-tế người chết, người quân-tử rất phải nghiêm-cần lắm. « *Lễ giả cần ư trị sinh tử giả giả. Sinh, nhân chi thủ giả; tử, nhân chi chung giả. Thủ chung câu thiện nhân đạo tất hỹ* 禮者謹於治生死者也, 生, 人之始也, 死, 人之終也, 始終俱善, 人道畢矣: lễ là phải nghiêm-cần về việc trị, sự sinh, sự tử. Sinh là cái khởi-đầu của người ta, tử là cái cuối-cùng của người ta. Thủ-chung đều hay cả thì trọn cái đạo làm người vậy ». « Cho nên người quân-tử phải kính-cần lúc *thủ* mà thận-trọng lúc *chung*. Thủ-chung như nhất, ấy là cái đạo của người quân-tử, và cái văn-vẻ của lễ-nghĩa. Nếu hậu lúc sinh mà bạc lúc tử, tức là kính cái có biết mà nhờn cái không biết, ấy là đạo của người gian-ác và lại là cái lòng bội-bạn vậy » (*Lễ-luận, XIX*).

Đối với xã-hội và quốc-gia thì Tuân-tử nói: « Vạn vật cùng sinh trong khoảng trời đất mà hình - thể thì khác nhau, không có cái thích-nghĩ thường định mà đều có cái hữu-dụng cả. Số là nhân-loại cùng ở với nhau, sự cầu thì giống như nhau, mà lối cầu thì khác nhau: cái muốn thì giống như nhau, mà sự biết thì khác nhau. Người sinh ra ở đời ai cũng có cái muốn thỏa ý mình, mà cái muốn ấy thì kẻ tri người ngu giống như nhau, còn cách làm cho

thỏa ý mình, thì kẻ tri người ngu khác nhau. Thế đồng mà tri khác, việc làm riêng mà không có vạ, buông cái dục mà không cùng thì lòng cạnh-tranh của dân nổi lên mà không làm cho vừa ý được. Như vậy thì kẻ tri-giả chưa làm được việc tri vậy. Kẻ tri-giả chưa làm được việc tri thì công danh chưa nên. Công danh chưa nên thì quần-chúng đều một loạt như nhau cả. Quần-chúng đều là một loạt như nhau thì vua tôi chưa dựng vậy. Không có vua để chế bầy tôi, không có kẻ trên để chế người dưới thì thiên-hạ làm hại sự sinh-hoạt và buông rong cái lòng muốn ra. Lòng muốn lòng ghét thì kẻ tri người ngu cùng giống như nhau, nhưng cái muốn thì nhiều mà vật thì ít, tất là thành ra tranh nhau. Cho nên trăm nghề thành ra để nuôi một người, khiến cho giữ được mỗi tri, vì người giỏi không thể kiêm đủ mọi nghề, và một người không thể kiêm đủ các chức quan. Ở cách-biệt nhau mà không giao-thiệp với nhau thì khốn-cùng, quên-tu với nhau mà không chia trật-tự thì tranh-đoạt nhau. Khốn-cùng là lo, tranh-đoạt là vạ. Cho nên cứu điều lo, trừ điều vạ, thì không gì bằng làm cho rõ cái phận kẻ trên người dưới, khiến người ta quần-tu được. Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, người khôn sợ người ngu, dân dưới trái với người trên, người trẻ khinh-nhờn người lớn, không lấy đức làm việc chính để dạy-dỗ người ta biết rõ phận nghĩa, như vậy thì kẻ già người yếu có cái lo không ai nuôi, người khỏe-mạnh có cái vạ phân-tranh. Việc làm khó-nhọc thì ghét, công-lợi thì muốn, chức-nghiep không phân rõ, như vậy thì người ta có cái lo gây việc và cái vạ tranh công. Nam nữ phối-hợp với nhau, vợ chồng phân-biệt, việc cưới hỏi đưa đón mà không có lễ, như thế người ta có cái lo về sự mất lễ phối-hợp mà có cái vạ tranh nhau về cái sắc. Cho nên kẻ tri-giả vì những điều ấy mà phân ra phận nghĩa cho rõ-ràng vậy» (*Phụ-quốc, X*).

Lễ là cốt để phân-biệt ra trật-tự và định giới-hạn cho minh-bạch, khiến việc hành-động của nhân-quần không

rối loạn. Người ta ai cũng có lòng muốn, mà lòng muốn của người lại không biết đâu là bờ, nếu không có lễ để chia cái phận nghĩa cho rõ-ràng thì tất thành ra sự tranh-đoạt. Vậy nên trong chữ lễ, Tuân-tử lấy chữ *phận* làm cốt.

Tuân-tử tin rằng dùng lễ có hiệu-quả rất lớn về việc xã-hội và quốc-gia. Cho nên ông nói: « *Long lễ qui nghĩa giả kỳ quốc trị, giản lễ tiện nghĩa giả kỳ quốc loạn* 隆禮責義者其國治, 簡禮賤義者其國亂: trọng lễ qui nghĩa thì nước trị, giản lễ rẻ nghĩa thì nước loạn » (*Nghị-binh, XV*). Ông cho lễ có ảnh-hưởng đến sự sinh-hoạt của người ta ở trong xã-hội, mà việc trị loạn đều bởi đó mà ra. « *Lễ chi ư chính quốc-gia giả, như quyền-hành chi ư khinh trọng giả, như thăng mặc chi ư khúc trực giả. Cổ nhân vô lễ bất sinh, sự vô lễ bất thành, quốc-gia vô lễ bất ninh* 禮之於正國家也, 如權衡之於輕重也, 如繩墨之於曲直也. 故人無禮不生, 事無禮不成, 國家無禮不寧 (9): lễ đối với việc quốc-gia như quả cân và cân cân đối với sự nặng nhẹ, như dây và mực đối với đường thẳng đường cong. Cho nên người mà không có lễ thì không sinh, việc mà không có lễ thì không nên, quốc-gia mà không có lễ thì không yên » (*Đại-lược, XXVII*).

Cái học của Tuân-tử trọng lễ như thế, cho nên ông cho là bất cứ việc gì hễ không có lễ là hỏng. « Lễ là cái cùng-cực của sự trị và sự biện-biệt, cái gốc của sự làm cho nước mạnh, cái đạo của sự uy-hành, cái cốt-yếu của công-danh. Bậc vương bậc công theo đó mà được thiên-hạ, không theo đó thì làm hỏng xã-tắc. Cho nên áo giáp bền, ngọn giáo nhọn không đủ để thắng trận, thành cao hào sâu không đủ lấy làm bền-vững, lệnh nghiêm hình nhiều không đủ lấy làm uy. Dùng lễ thì việc gì cũng thi hành được, không dùng lễ thì việc gì cũng bỏ cả » (*Nghị-binh, XV*).

(9) Sách *Lễ-ký* thiên Kinh-giải, XXVI, cũng có đoạn này.

Lễ có thể - lực mạnh như thế, cho nên nói: « *Lễ giả pháp chi đại phận, quần loại chi cương kỷ giả. Cổ học chi hồ lễ nhi chỉ hỹ* 禮者法之大分, 羣類之綱紀也. 此學至乎禮而止矣: lễ là cái phận lớn của điển-pháp, cái kỷ-cương của quần-loại. Cho nên phải học đến lễ mới thôi vậy » (Khuyến-học, I).

Nhạc. Lễ là phận, nhạc là hòa. Lễ là đề tiết - chế tâm-thân, nhạc là lấy cái đẹp cái hay tự-nhiên mà cảm-hòa lòng người. Bởi vậy Tuân-tử rất chú-ý đến nhạc, và bài-bác họ Mặc về cái thuyết bỏ nhạc. Ông nói: « Nhạc là đề làm cho vui. Cái tính người ta chẳng ai là chẳng muốn thế, cho nên không thể không có nhạc. Nhạc thì phát ra ở thanh-âm, hình ra ở động-tĩnh, mà cái đạo của người ta và sự biến-đổi của thanh-âm, động-tĩnh, tính-thuật, là hết thấy ở nhạc vậy. Cho nên người ta không thể không có nhạc, nhạc không thể không có hình, hình mà không làm ra thành đạo thì không thể không có loạn. Bậc tiên-vương ghét cái loạn cho nên mới chế ra tiếng nhã, tụng để lấy mà làm cái đạo cho người ta, khiến cái thanh đủ lấy làm vui mà không lưu-đãng, khiến cái văn đủ biện-luận mà không ngoa, khiến cái khúc-trực, phồn-tĩnh, liêm-nhục, tiết-tấu, đủ lấy mà cảm-động cái lòng thiện của người ta, đề cho cái khí tà-ô không có lối nào mà tiếp được. Ấy là phương-pháp của tiên-vương đặt ra nhạc vậy... Phàm âm-nhạc vào người ta sâu mà hóa người ta chóng, cho nên tiên-vương cẩn-thận làm ra văn. Nhạc trung-bình thì dân hòa-thuận mà không lưu-đãng, nhạc nghiêm-trang thì dân tề không loạn. Dân hòa và tề thì binh mạnh thành bền... Cho nên nói: nhạc là đề làm cho vui vậy. Người quân-tử vui về được cái đạo, tiểu-nhân vui về được cái muốn. Lấy cái đạo chế cái muốn thì vui mà không loạn, lấy cái muốn mà quên cái đạo thì mê-hoặc mà không vui. Cho nên nhạc là đề làm cái đạo cho sự vui. Tiếng kim-thạch ti-trúc là cốt ở đạo-đức vậy. Nhạc thi-hành ra

thì cái sở-hưởng của dân có phương. Bởi vậy nhạc là cái thịnh đức của việc trị người » (Nhạc-luận, XX).

Nói rút lại, vì người ta sinh ra ai cũng có tính có dục, cho nên phải có lễ chế chia rõ có phận nghĩa, để khỏi cái lo về sự tranh-đoạt; người ta lại thích-mến sự khoái-lạc, cho nên phải đặt ra âm-nhạc trung-bình để có cái vui - thú chính-đáng, khiến cho không có điều dâm-loạn. Đó là cái chủ-đích của sự dùng lễ-nhạc.

V. CHÍNH - TRỊ TRIẾT - LÝ

Học-thuyết của Nho-giáo tuy có phần triết-lý rất cao, nhưng bao giờ cũng chuộng thiết-thực, cho nên các học-giả rất chú-trọng về đường giáo-dục và chính-trị. Giáo-dục là cách dạy người cho biết đạo-lý làm người, mà chính-trị là cách trị người trị nước cho hợp đạo-lý. Tuân-tử theo tông-chỉ ấy cho nên ông lấy việc chính-trị làm việc hành đạo rất hay.

Đạo hợp-quần của nhân-loại. Người ta sở dĩ hơn các loài vật là vì biết hợp-quần để lập thành xã-hội, có tôn-ti trật-tự, khiến cho thiên-hạ được yên-trị. Tuân-tử nói rằng: « Lửa và nước có khí mà không có sinh, cây và cỏ có sinh mà không có biết, muôn chim có biết mà không có nghĩa. Người thì có khí, có sinh, có biết, và lại có nghĩa, cho nên là quý nhất trong thiên-hạ. Người ta sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa đều bị người ta dùng được, là sao? Là tại người ta biết hợp-quần. Người ta lấy cái gì mà hợp-quần được? — Rằng: lấy cái phận trên dưới. Định ra phận trên dưới thì làm thế nào mà có nhân? — Rằng: lấy nghĩa. Lấy nghĩa mà định trên dưới thì hòa, hòa thì hợp làm một, hợp làm một thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng được muôn vật » (Vương-chế, IX).

Trong sự hợp-quần của loài người có nghĩa là qui hơn cả. Bởi có nghĩa, cho nên người ta mới biết phân ra tôn-ti trật-tự để giữ cho sự sinh-hoạt của nhân-quần không rối-loạn. « Nhân chi sinh bất năng vô quần, quần nhi vô phân tắc tranh, tranh tắc loạn, loạn tắc cùng hỹ. Cố vô phân giả, nhân chi đại hại dã; hữu phân giả thiên-hạ chi đại lợi dã, nhi nhân-quần giả sở dĩ quần phân chi khu yếu dã 人之生不能無羣, 羣而無分則爭, 爭則亂, 亂則窮矣. 故無分者, 人之大害也; 有分者天下之大利也, 而人君者所以管分之樞要也: người ta sinh-hoạt ở đời không thể không quần-tụ, quần-tụ mà không định phân ở trên dưới thì tranh-đoạt nhau, tranh-đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn-cùng. Cho nên không định phân trên dưới là cái hại lớn của người ta, có định phân trên dưới là cái lợi lớn của thiên-hạ, mà đấng nhân-quần là cái then-chốt để cai-quản cái phân trên dưới » (Phủ-quốc, X). Vậy đã có nhân-quần là phải có nhân-quần, để giữ cái trật-tự cho xã-nội.

Quần-đạo. Tuân-tử định rõ cái nghĩa quần-đạo, khiến cho bậc nhân-quần biết chức-vụ của mình. Ông nói: « Đạo giả hà dã? — Viết: quân-đạo dã. — Quân giả hà dã? — Viết: năng quần dã. — Năng quần dã giả, hà dã? — Viết: thiện sinh dưỡng nhân giả dã, thiện ban trị nhân giả dã, thiện hiền thiết nhân giả dã, thiện phiên sức nhân giả dã. Thiện sinh dưỡng nhân giả, nhân thân chi; thiện ban trị nhân giả, nhân yên chi; thiện hiền thiết nhân giả, nhân lạc chi; thiện phiên sức nhân giả, nhân vinh chi. Tứ thống giả cụ, nhi thiên-hạ qui chi, phủ thị chi vị năng quần 道者何也? — 曰君道也. — 君者何也? — 曰能羣也. — 能羣也者何也? — 曰善生養人者也; 善班治人者也, 善顯設人者也, 善藩飾人者也. 善生養人者, 人親之; 善班治人者, 人安之; 善顯設人者, 人樂之; 善藩飾人者, 人榮之. 四統者具, 而天下歸之, 夫是之謂能羣: đạo là sao? — Rằng: quân-đạo vậy. — Quân giả là sao? — Rằng có thể quần-tụ người ta

vậy. — Có thể quần-tụ người ta thế nào? — Rằng: khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta, khéo định ra trật-tự và cai-trị người ta, khéo làm cho rõ-rệt và thiết-lập ra mọi việc cho người ta, khéo che-đậy và sửa-sang cho người ta. Ai khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta thì người ta thân-yêu; ai khéo định ra trật-tự và cai-trị người ta thì người ta yên; ai khéo làm cho rõ-rệt và thiết-lập ra mọi việc cho người ta thì người ta vui; ai khéo che-đậy và sửa-sang cho người ta thì người ta sùng. Bốn điều ấy mà đủ cả là thiên-hạ theo về mình, thế gọi là có thể quần-tụ người ta. » (Quần-đạo, XII). Theo tông-chỉ ấy thì bậc nhân-quần phải biết rõ cái nghĩa hợp-quần. Hễ cái nghĩa ấy chính-đáng thì thiên-hạ được yên-vui mà sinh-hoạt. Bởi thế mới nói: « Quân giả thiện quần giả. Quân đạo đáng, tắc vạn vật giai đắc kỳ nghi, lục súc giai đắc kỳ trưởng, quần sinh giai đắc kỳ mệnh 君者善羣也, 羣道當, 則萬物皆得其宜, 六畜皆得其長, 羣生皆得其命: quần là người khéo khiến người ta hợp-quần. Cái đạo hợp-quần mà chính-đáng thì vạn vật đáng thế nào đều được như thế, lục súc đều được sinh-trưởng, quần sinh đều được yên-tĩnh-mệnh. » (Vương-chế, XI).

Đấng nhân-quần là người làm khuôn làm phép cho thiên-hạ, cho nên nói: « Quân giả nghi giả, nghi chính nhi ảnh chính; quân giả bản giả, bản viên nhi thủy viên, quân giả vu giả, vu phương nhi thủy phương 君者儀也, 儀正而影正; 君者槃也, 槃圓而水圓; 君者盂也, 盂方而水方: quân-giả là cái nêu, cái nêu ngay thì cái bóng ngay; quân-giả là cái mâm, cái mâm tròn thì nước tròn; quân-giả là cái chậu, cái chậu vuông thì nước vuông. » (Quần-đạo, XXI). Quân là cái khuôn, dân là cái phải theo khuôn mà thành ra tròn hay vuông. Vậy quân là cái gốc sự sinh-hoạt của dân, cho nên nói: « Quân-giả là cái nguồn của dân, cái nguồn trong thì dòng nước trong, nguồn đục thì dòng nước đục. Cho nên người có xã-tắc, không yêu dân, không làm lợi

百姓之壽, 待之而後長: người quân-tử lấy đức, kẻ tiểu-nhân lấy sức mạnh. Cái sức mạnh là để cho cái đức sai-khiến. Cái sức mạnh của trăm họ đợi cái của đức quân-thượng rồi sau mới thành công, sự quân-tự của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới hòa-thuận, cái tài-sản của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới tụ-hội, cái thế-lực của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới yên, cái thọ của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới lâu-dài » (*Phủ-quốc, X*). Ý nói người làm vua làm chúa vụ lấy cái đức mà phủ-dụ người dưới, người trăm họ lấy sức mạnh mà phục-dịch người trên. Trăm họ có sức mạnh, có năng-lực hợp-quần, có của-cải, có thế-lực, nhưng cần phải có cái đức của quân-thượng điều-lý thì mới không sinh ra sự tranh-đoạt.

Thiên-hạ trọng bậc nhân-quân, tức là trọng cái đẹp chung và cái lợi chung của mình, mà bậc nhân-quân giữ cái ngôi mình là giữ cái của chung cả thiên-hạ, chứ không phải là của riêng một nhà một họ nào. Cái ý-tưởng ấy là cái ý-tưởng rất trọng-yếu của Nho-giáo. Người làm vua làm chúa phải lấy cái đức mà hóa thiên-hạ, dùng cái trí công-chính mà làm lợi cho thiên-hạ, như vậy thì tất là thiên-hạ phải tôn phải quý. Nếu người nào giữ ngôi quân mà lại chỉ biết có một cái quyền-lợi của mình mà thôi, và làm những điều dâm-tàn bạo-ngược, thì là trái với quân-đạo, không phải là bậc nhân-quân nữa. Vì rằng: « *Thiên chi sinh dân phi vị quân giả, thiên chi lập quân dĩ vị dân giả* 天之生民非為君也, 天之立君以為民也: Trời sinh ra dân không phải là vì ông vua, Trời lập ông vua lên là bởi vì dân vậy » (*Đại-lược, XXVII*). Bởi vậy thiên-hạ tuy phải tôn-phù nhân-quân, nhưng khi nhân-quân là người tàn-bạo thì thiên-hạ lại có quyền được trừ bỏ đi. Chỗ này Tuân-tử cũng đồng một ý với Mạnh-tử, cho nên nói: *Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu* 誅暴國之君若誅獨夫: giết ông vua tàn-bạo một nước cũng như giết một đũa độc phu »

(*Chỉnh-luận, XVIII*). «Vậy nên ai biết lấy nhân-nghĩa mà trị thiên-hạ là yên, lấy tàn-bạo mà trị thiên-hạ là nguy. «Quân-giả là thuyền, thứ dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước lại đánh đắm thuyền. Cho nên bậc nhân-quân muốn yên thì không gì bằng trọng lễ và kính kẻ sĩ, muốn lập công-danh thì không gì bằng chuộng kẻ hiền, khiến kẻ năng. Ấy là cái tiết lớn của bậc nhân-quân vậy ». (*Vương-chế, XI*).

Pháp hậu - vương. Cái học của Tuân-tử về đường chính-trị có một điều tương-phản các tiền-nho là cái thuyết pháp hậu-vương. Các nho-giả đời trước đều lấy những thánh-vương như Nghiêu, Thuấn làm tiêu-chuẩn. Tuân-tử thì cho những thánh-vương đời cổ cùng với thánh-vương đời Tam-dại không khác gì nhau, vì các vương-giả, bất cứ đời nào cùng theo một đạo cả. Đấng nhân-quân, cái ngôi thì tôn mà cái chí thì cung-kính, cái tâm thì cẩn-thuận mà cái đạo thì lớn, những sự thịnh-thị thì gần mà sự kiến-vân thì xa. Bởi sao? Bởi cái thuật của mình giữ được như thế. Cho nên cái tình của nghìn người, vạn người, với cái tình của một người cũng như nhau. Trời đất lúc đầu mới sinh ra cũng như ngày nay. Cái đạo của bách vương là cái đạo của hậu-vương ». (*Bất cấu, III*). Hậu-vương là nói những cận thời chỉ vương như vua Văn vua Vũ nhà Chu.

Tuân-tử cho vương-đạo bao giờ cũng là một, mà cái tình-tình của người ta bao giờ cũng không khác. Cho nên nói: «Thánh-vương có hàng trăm, ta biết bắt-chước ai? Rằng: cái văn lâu ngày thì mất, cái tiết-tấu lâu ngày thì tuyệt, chức hữu-tư đời đời giữ pháp-độ lâu ngày cũng mất. Muốn biết cái sự-nghiệp của thánh-vương thì xem ở chỗ rõ-ràng, tức là xem ở hậu-vương. Đấng hậu-vương kia là đấng nhân-quân của thiên-hạ, bỏ hậu-vương mà theo thượng-cổ thì ví như bỏ đấng nhân-quân của mình mà theo đấng nhân-quân của người. Cho nên nói: muốn

xem nghìn năm về trước thì xem mấy ngày bây giờ; muốn biết ức vạn thì xem một hai; muốn biết đời thượng-cổ thì xét rõ cái đạo nhà Chu; muốn biết đạo nhà Chu thì xét rõ ông vua mà người ta lấy làm quý. Cho nên nói: lấy gần mà biết xa, lấy một mà biết vạn, lấy cái vi-ẩn mà biết cái sáng-rõ, tức là thế vậy. Kẻ vọng-nhân nói rằng: «Đời xưa và đời nay, cái tình khác nhau là vì cái đạo trị loạn khác nhau.» Chúng-nhân nghe lời ấy mà mê-hoặc vậy. Chúng-nhân ngu mà không có biện-thuyết, đại mà không biết đặc-lượng, cái sở-kiến của chúng-nhân còn khả đối được, huống chi chuyện nghe đã nghìn đời xưa. Đối với bọn vọng-nhân, ngay trong khoảng môn-đỉnh còn có điều sai-ngoa, huống nữa là việc ở nghìn đời xưa. Còn bậc thánh-nhân thì sao không đối được? — Rằng: thánh-nhân lấy ý mình mà đặc ý của cổ-nhân, cho nên người không đối được mình mà mình cũng không đối người. Lấy người đặc người, lấy tình đặc tình, lấy loại đặc loại, lấy ngôn-thuyết mà đặc cái công-nghiệp, lấy đạo mà xem hết cái lý của muôn vật, thì cổ kim không khác gì nhau. Các loại không có trái nhau, tuy lâu đời nhưng cái lý vẫn đồng. Cho nên trông thấy tà-khúc mà không mê, xem tạp-vật mà không hoặc, là vì lấy những điều nói trên mà trác-đặc. Trước đời Ngũ-Đế không có sự-tích của người nào để lại, không phải là không có người hiền, nhưng vì lâu đời vậy. Trong đời Ngũ-Đế không có cái chính-sách truyền lại, không phải là không có thiện-chính, nhưng vì lâu đời vậy. Vua Vũ, vua Thang có truyền cái chính-sách lại, mà không rõ bằng nhà Chu, không phải là không có thiện-chính, nhưng vì lâu đời vậy. Cái truyền đã lâu thì cái luận sơ-lược, cái truyền gần thì cái luận tường-tận. Lược thì nói cái đại-cương, tường thì nói đủ mọi điều. Người ngu thì nghe cái đại-lược không biết cái tường, nghe cái tường không biết cái lớn. Bởi thế cho nên cái văn lâu ngày thì mất đi, cái tiết-tấu lâu ngày thì tuyệt-diệt» (Phi-tướng, V).

Cứ như Tuân-tử thì bậc vương-giả phải theo cái đạo đời Tam-dại và theo phép của hậu-vương. «Đạo bất quá Tam-dại, pháp bất nhị hậu-vương 道不過三代, 法不弑後王: đạo không qua đời Tam-dại, phép không khác hậu-vương» (Vương-chế, IX). Nghĩa là đối với đời Chiến-quốc mà bàn vương-đạo thì không nên bàn quá việc nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu; nếu xét quá lên nữa, thì xa lắm, khó tin là xác-thực được, và dùng phép thì theo phép của vương-giả đương thế, chứ không nên lia bỏ mà đi tìm ở chỗ xa. Đó là tư-tưởng đặc biệt của Tuân-tử về đường chính-trị.

Vương bá và quyền-muru. Trong việc chính-trị, Tuân-tử theo tư-trào đương thời mà chia ra làm ba lối: một là làm vương, hai là làm bá, ba là làm mất nước. «Nghĩa lập nhị vương, tin lập nhị bá, quyền-muru lập nhị vong. Tam giả minh-chủ chỉ sở cần trạch giả, nhân-nhân chỉ sở vụ bạch giả 義立而王, 信立而霸, 權謀立而亡. 三者明主之所擇也, 仁人之所惡也: cái nghĩa mà lập thì làm vương, cái tin mà lập thì làm bá, cái quyền-muru mà lập thì mất. Ba lối ấy, đáng minh-chủ phải chọn kỹ, người nhân phải làm cho minh-bạch vậy» (Vương-bá, XI).

1. **Vương-đạo.** — «Đem cả nước mà hô-hào làm việc lễ-nghĩa và không làm điều gì hại đến lễ-nghĩa. Làm một điều bất nghĩa, giết một người không có tội mà được thiên-hạ, thì kẻ nhân-giả không làm. Cứ vững giữ lòng mình và giữ nước. Được như thế thì thật là vững-chắc lắm vậy. Những người cùng với mình làm việc ấy đều là nghĩa-sĩ, những hình-pháp đem bày tỏ ra cho quốc-gia, đều là pháp-nghĩa. Những điều mà nhân-chủ đã thật tin và đem quần-thần qui-hướng cả về đó, đều là cái ý chú vào việc nghĩa. Như thế, thì kẻ dưới lấy nghĩa mà trông-cậy người trên ấy là cơ-bản định vậy. Cơ-bản đã định, thì nước định, nước định thì thiên-hạ định... Không bởi có gì khác, chỉ bởi cái cơ làm cho nên việc nghĩa. Ấy là việc nghĩa lập mà làm vương vậy».

2. *Bá-đạo*. « Đức tuy chưa đến cùng-cực, nghĩa tuy chưa nên hẳn, song cái lý của thiên-hạ cũng lược có tiết-tấu. Hình-pháp thường-phạt làm tin cho thiên-hạ, kẻ bày tôi ở dưới đều hiểu rõ mà biết những điều yếu-trước. Cái chính-lệnh đã bày ra thì đâu thấy rõ điều lợi của mình hồng, nhưng cũng không lừa-dối dân; đã kết ước với nước nào thì đâu thấy rõ điều lợi của mình hồng, nhưng cũng không lừa-dối người. Như thế thì binh mạnh thành bền, địch-quốc sợ mình, cả nước một nền, dân với nước đều tin. Tuy ở đất hẻo-lánh cũng có uy động cả thiên-hạ... Song không phải là hết lòng sửa cái gốc ở sự chính và sự giáo, không phải là lấy văn-lý làm căn-bản, không phải là làm cho lòng người ta phục. Làm điều gì thì xu-hướng về phương-lược, xét việc gì thì dùng cái thuật lấy dặt dãi lao, nghiêm-cần sự súc-tích, sửa-sang việc chiến-bị, trên dưới một lòng tin nhau, thiên-hạ không ai dám đương với mình. Không bởi có gì khác, chỉ bởi lược thủ cái tính mà làm. Ấy thế gọi là tin lập mà làm bá vậy ».

3. *Vong quốc chỉ đạo*. « Đem cả nước mà hô-hào làm công-lợi, không cần mở cái nghĩa, giữ cái tin, chỉ cốt cầu lợi. Trong thì không sợ đối dân để cầu cái lợi nhỏ, ngoài thì không sợ đối nước thần với mình để tìm cái lợi lớn. Trong không lo sửa cho ngay-chính những thồ-địa tài-hóa của mình mà lại muốn những thồ-địa tài-hóa của người, như thế thì kẻ thần-hạ và trăm họ ai chẳng lấy lòng giả-dối mà đối-đãi với người trên. Người trên đối người dưới, người dưới đối người trên, thế là trên dưới chia rẽ nhau ra, như thế thì địch-quốc khinh mình, mà nước thần với mình ngờ-vực mình, ngày ngày dùng quyền-muru mà nước không khỏi sự nguy-biến, đến cuối cùng là nước mất... Ấy không bởi có gì khác, chỉ bởi không dùng lễ-nghĩa mà chỉ dùng quyền-muru vậy » (*Vương-bá, XI*).

Trong ba lối ấy, hễ ai khéo chọn thì giá-ngự người, không khéo chọn thì bị người giá-ngự. Tuân-tử theo tông-

chỉ Nho-giáo, cho nên ông rất tôn-sùng vương-đạo, và bày tỏ cái phương-pháp của vương-giả trị thiên-hạ ra một cách rất rõ-ràng.

Phương - pháp của vương - giả. Bậc vương-giả là người có đạo-đức hoàn-toàn, lấy điều công-chính nhân-nghĩa mà trị thiên-hạ. Người ấy phi là bậc thánh-nhân không giữ được ngôi thiên-tử cho xứng-dáng. Cho nên nói : « *Thánh-nhân bị đạo toàn mỹ giả giả, thị huyền thiên-hạ chi quyền xưng giả* 聖人備道全美者也,是縣天下之權稱也 : Thánh-nhân có cái đạo hoàn-bị, toàn mỹ, thì mới cầm được cái cân và quả cân của thiên-hạ » (*Chỉnh-luận, XVIII*). Bậc vương-giả phải sửa cái đạo làm việc nghĩa, lấy cái lợi chung của thiên-hạ, trừ cái hại chung của thiên-hạ thì thiên-hạ theo về mình vậy » (*Chỉnh-luận, XVIII*). Muốn đạt tới cái chủ-dịch ấy thì phải theo phương-pháp nào ? Tuân-tử nói : « Dùng kẻ hiền-năng thì không đợi phải theo thứ-lự mới cất-nhắc lên : bỏ người dở thì bỏ ngay trong chốc-lát, trừ kẻ nguyên-ác thì không đợi có dạy-bảo rồi mới giết ; theo đạo trung-dụng thì dân không đợi có chính-trị rồi mới hóa, cái phạt chưa định thì phải định ngay trên dưới. Tuy con cháu bậc vương, công, sĩ, đại-phu, mà không theo lễ-nghĩa thì bỏ làm thứ-nhân ; con cháu thứ-nhân mà tích-tập văn-học, chính thân hạnh, theo lễ-nghĩa thì cho làm khanh, tướng, sĩ, đại-phu. Như vậy thì những gian-ngôn, gian-thuyết, gian-sự, gian-năng, đều trốn-tránh cả. Những dân phản-trắc thì đặt quan dạy-dỗ, đợi cho hóa thành thiện. Lấy sự ban-thưởng mà khuyến-miễn, lấy hình-phạt mà trừng-trị. Ai yên chức-phận thì nuôi, ai không yên chức-phận thì đẩy đi xa... Cái đại phạt về việc thịnh-chính là người nào lấy điều thiện mà đến thì lấy lễ mà đãi ; lấy điều bất thiện mà đến, thì lấy hình mà đãi. Hai điều ấy phân-biệt thì kẻ hiền và kẻ bất tiểu không lẫn, việc phải việc trái không loạn. Kẻ hiền và kẻ bất tiểu không lẫn, thì người anh-kiệt đến, việc phải việc

trái không loạn, thì quốc - gia trị. Như thế thì thanh - danh càng ngày càng vang-lừng khắp thiên-hạ, ai cũng muốn theo lệnh hành cấm chỉ. Ấy là việc vương - giả hết vậy » (*Vương-chế, IX*).

Chính - sách của vương - giả là trọng người hiền, khinh người dốt. Bậc vương-công mà không có lễ - nghĩa văn - học thì phải truất xuống làm dân, không được giữ quyền - tước, người dân mà có văn - học, biết lễ - nghĩa thì được cất-nhấc lên làm khanh làm tướng. Cái quyền chính-trị trong nước để chung cả cho người tài giỏi, chứ không để riêng cho một bọn qui-tộc. Đó là thật theo đúng cái chủ - nghĩa duy - tán rất chính - đáng của Nho-giáo vậy. Bậc thánh-vương đời trước theo cái chủ - nghĩa ấy mà trị thiên - hạ, cho nên nói : « *Thánh vương tại thượng, đồ đức nhi định thứ, lượng năng nhi thụ quan, giai sử dân tái kỳ sự nhi các đắc kỳ nghi. Bất năng dĩ nghĩa chế lợi, bất năng dĩ quyền sức tình, tảo kiểm dĩ vi dân* 聖王在上, 圖德而定次, 量能而授官, 皆使民戴其事而各得其宜. 不能以義制利, 不能以偽飾性, 則兼以爲民 : bậc thánh-vương ở trên, tìm cái đức mà định thứ bậc, lượng cái tài-năng mà cho làm quan, việc gì cũng để dân gánh-vác lấy, ai làm được việc nào cho làm việc ấy. Người nào không thể lấy cái nghĩa chế cái lợi, không thể cố làm để kiêu-sức cái tình ác của mình thì bắt xuống làm dân » (*Chính-luận, XVIII*). Việc trị thiên-hạ mà theo đúng phương-pháp ấy thì không sao có sự biến-loạn.

Tại làm sao mà ta cần phải bắt-chước thánh - vương ? Là tại thánh-vương biết rõ cái đáng qui và biết lấy cái nghĩa mà làm cho ta trông thấy rõ cái lợi lớn. Cho nên nói : « *Bản cách bắt-chước thánh - vương thì biết điều mình qui vậy ; lấy điều nghĩa chế điều lợi thì biết rõ cái lợi của mình. Bản sự biết điều mình qui thì biết sự mình tự dưỡng vậy ; biết rõ cái lợi của mình thì khi hành-động*

mình biết rõ lối mà theo. Hai điều ấy là cái gốc của sự thị-phi, cái căn - nguyên của sự đắc thất vậy » (*Quán-tử, XXIV*). Bậc thánh-vương giữ ngôi quân, thống-trị thiên-hạ, cốt làm cho cái phận nghĩa phân-minh, trên dưới có trật-ự. Cho nên nói : « *Thánh - vương ở trên, cái phận nghĩa thì hành ra ở dưới, kẻ sĩ và đại-phu không làm những việc dâm - dăng, quan - lại không làm những việc lười-biếng và khinh - nhờn, nhân-chúng và trăm họ không có cái tục gian - quai, không có cái tội trộm-cướp, không dâm phạm những điều cấm của vua. Thiên-hạ đều hiểu rõ là những người trộm cắp không thể làm giàu được, những đứa giặc cướp không thể thọ được, những đứa phạm điều cấm của vua không thể yên được. Theo đạo thì người ta được cái sở thích của mình, không theo đạo thì gặp cái sở ố của mình vậy » (*Quán-tử, XXIV*).*

Hình - pháp. Vương-giả cốt dùng lễ - nghĩa để trị thiên-hạ, song nếu còn có người ngoan-ngạnh không chịu theo giáo-hóa thì tất là phải dùng đến hình-phạt. « *Phàm hình, nhân chi bản, cấm bạo ố ác, thả trưng kỳ vị giả 凡刑, 人之本, 禁暴惡惡, 且徵其未也 : phạm hình - pháp là cái gốc của thiên - hạ, ngăn - cấm điều bạo-ngược, ghét bỏ điều ác là để răn những điều chưa xảy ra » (*Chính - luận, XVIII*). Phạt người có tội là để khiến những kẻ gian-ác đừng làm những điều phi pháp và sự thưởng sự phạt của vương-giả bao giờ cũng phải cho công-minh và xứng-dáng. « *Dùng hình-pháp mà đáng tội thì có uy ; không đáng tội thì người dưới khinh-nhờn, ban-thưởng tước-lộc mà đáng cho kẻ hiền - tài thì qui, không đáng thì không qui. Đời xưa dùng hình-pháp không quá cái tội, ban-thưởng tước-lộc không vượt qua cái đức, cho nên có khi giết cha mà dùng con làm tội, giết anh mà dùng em làm tội. Người thiện kẻ ác phân-biệt, ai nấy đều lấy cái trung - thành mà thông đạt, không bị sự khuất-trệ. Ấy là để khuyên kẻ làm thiện và răn kẻ không làm thiện, hình-phạt thì giảm bớt**

mà cái uy-quyền thi-hành ra như nước chảy, chinh-lệnh rất phân-minh mà việc hóa đổi như thần ». (*Quân-tử*, XXIV).

Lý-thuyết của Tuân-tử về đường chính-trị tuy không trọng hình-pháp lắm, nhưng vì đã theo cái thuyết tính ác thì cái kết-quả tự-nhiên tất phải trọng hình-pháp, thành ra cái tông-chỉ của Nho-giáo bởi đó mà sai-lầm đi mãi.

Tuân-tử là bậc đại-hiền trong Nho-giáo về cuối đời Chiến-quốc, học-vấn uyên-bác, văn-lý tinh-vi. Ông thấy đạo của tiên-vương mờ-tối, người đời mê-hoặc về công-lợi và quyền-muru, các tà-thuyết bi-từ làm loạn lòng người, cho nên ông cực-lực bài-bác các học-thuyết khác để làm cho sáng rõ cái đạo công-chính của thánh-hiền.

Dương Lượng 楊量 đời nhà Đường là người chú-thích sách Tuân-tử tối cổ hơn cả, làm bài tựa nói rằng: «Đời Chiến-quốc họ Thân, họ Thương (10), hà-ngược, lấy sự giết cả họ mà luận tội; họ Tôn, họ Ngô (11) biến-trá, giết người đầy thành. Những kẻ đàm-thuyết lại chuộng họ Thân, họ Mặc, họ Tô, họ Trương, vì thế mà đạo họ Khổng gần mất. Kẻ sĩ có chi thấy thế lấy làm đau lòng nhức óc vậy. Cho nên Mạnh Kha mở ra trước, Tuân Khanh chấn-hưng ở sau. Xem cách lập ngôn, chỉ sự của Tuân-tử, lấy cái cùng-cực làm căn-bản, lấy cái yếu-trọng làm đạo-lý, bày tỏ những việc đời xưa mà chống giúp đương thế, dẹp sự rối-loạn, đẩy việc đạo-lý, thực là kẻ sĩ danh thế và bậc thầy của vương-giả. Sách của ông cũng có thể làm lòng làm cảnh cho sáu Kinh, thêm sáng cho họ Khổng, không phải như những sách của chư tử vậy. Bởi chưng Chu-công đã

(10) Thân Bất-Hại và Thương Ưởng là hai nhà chính-trị chuyên dùng hình-pháp.

(11) Tôn Võ và Ngô Khởi là hai nhà binh-gia, có nhiều mưu-lược.

chế-tác ra, Trọng-Ni đã tổ-thuat lại, họ Mạnh, họ Tuân tán-thành, cốt để giữ cho bền vương-đạo một cách rất sâu rất đủ, tuy có bốn rợ giao xâm ở đời Xuân-thu, ba giường bỏ đứt ở đời Chiến-quốc, song đạo ấy vẫn không mất ».

Đó là lời phê-bình của một nhà nho-học đời Đường, đã có công xem kỹ cái học của Tuân-tử. Song ta xét cái học ấy có mấy điều rất hệ-trọng, trái với tông-chỉ thuần-chính của Nho-giáo và gây thành kết-quả rất hại cho sự học-vấn về sau.

Một là cái học của Tuân-tử kém cái học của họ Khổng và họ Mạnh. Bởi vì ông bỏ mất cái học hình-nhi-thượng và chỉ chuyên trị cái học hình-nhi-hạ, cho nên cái học của ông tuy có vẻ tinh-tường về đường nghị-luận, nhưng vẫn không có cái lý nhất-quán là cái yếu-diểm của Nho-giáo. Một cái học chỉ biết có các cái ngọn mà không biết đến cái gốc, thì tất thế nào cũng phải chi-li, vụn-vặt, làm mất cái phần cao-siêu hoằng-dại. Điều ấy, các học-giả nên chú-ý mà nhận cho kỹ, trong khi xem học-thuyết của Tuân-tử.

Hai là Tuân-tử kíp về sự muốn chữa cái lưu-tệ đương thời. Thuở ấy ông thấy cái học của họ Lão, họ Trang thịnh-hành lên, đem cái chủ-nghĩa hoài-nghi, lập thành cái thái-độ tiêu-cực, rất hại cho sự tiến-bộ của xã-hội. Ông bèn chủ lấy sự công-dụng mà chống lại, nhất-thiết những điều siêu-việt ra ngoài phạm-vi thực-dụng thiên-cận là ông bảo nên bỏ hết. Ông cho những điều như: «*sung hư chi tương di dịch, kiên bạch đồng dị chi phân cách* 充虛之相施 (12) 易, 堅白同異之分隔: sự thay-đổi của cái đầy cái rỗng, sự phân-cách của cái cứng cái trắng » đều là vô ích cho sự học của người quân-tử. Ông lại nói ở thiên *Giải-lễ* rằng: «*Nhược phù phi phân thị phi, phi trị khúc trực, phi biện trị loạn, phi trị nhân đạo, tuy năng chi, vô ích*

(12) Chữ *di* 移 trong sách viết lầm ra chữ *thi* 施.

ư nhân; bất năng, vô tồn ư nhân 若夫非分是非, 非治曲直, 非辟治亂, 非治人道, 雖能之, 無益於人; 不能, 無損於人: còn như những điều không phân sự phải-trái, không tị cong-ngay, không biện-biệt sự trị-loạn, không trị nhân-đạo, thì tuy có hay cũng không có ích gì cho người, mà không hay cũng không có tổn gì cho người». Ông chỉ lấy sự công-dụng làm đầu, ngoài ra không thiết đến những điều cao thâm huyền-viễn. Một cái học đã thiên-lệch đi như thế, thật là hại cho sự học-vấn và sự trí-thức và làm thấp mất cái học của Nho-giáo.

Ba là Tuân-tử đã không đạt tới cái lý đơn-nhất siêu-việt quán-triệt của vũ-tru, thì tất ông phải lấy cái thường làm chuẩn-đích để phê-bình và phán-đoán mọi sự. Vậy nên ông cho những điều gì không hợp cái lý ấy, không phân việc phải-trái, không biện-biệt sự trị-loạn là phải bỏ đi. Song cái lý thường của ta thì có cái vô cùng chí lý, mà sự phải-trái và sự trị-loạn thì mỗi thời một khác và mỗi người hiểu ra một cách, lấy gì làm mực nhất định mà theo? Tuân - tử thấy rõ chỗ nguy-hiểm ấy, cho nên xưng lên cái thuyết: «Cổ học giả giả, cổ học chỉ chi giả 故學也者, 國學止之也: cho nên học là vốn học đến chỗ thôi vậy». Chỗ thôi ấy là *chỉ-lúc*, tức là bậc thánh bậc vương. Lấy bậc thánh bậc vương làm tiêu-chuẩn cùng-cực, không được vượt qua hơn nữa. Hễ ai không theo là cấm. Đó là cái phương-pháp chuyên-chế đã thấy ở cái học chính-danh vậy. Cái phương-pháp ấy thành ra cái chủ-nghĩa độc-tôn, tuy đương thời là cốt đề văn-cứu cái học hoài-nghi, nhưng về sau thật một trở-lực cho sự học-vấn. Nho-giáo mà sau thành ra một cái học tầm-thường, mất hết cả các cái quan-niệm cao viễn là bởi cái kết-quả tự-nhiên của cái chủ-nghĩa hẹp-hòi về công-dụng, và cái chủ-nghĩa chuyên-chế độc-tôn.

Ta phải biết rằng những sự ứng-dụng của sự học - vấn là phải vượt qua cái lợi thiên - cận trước mắt của người

thường, phải đem cái nhỡn - giới của sự học - vấn lên cao quá những cái quyền-lợi ngay một lúc, thì ta mới đạt tới những điều cao-xa huyền-bí và mới hiểu rõ cái ứng-dụng lớn của sự học - vấn, rất cần cho sự tiến - hóa chính-dáng của xã-hội.

Muốn cho sự tiến - hóa mỗi ngày một hơn lên, thì cần phải có cái học cao - viễn hoằng - đại, chứ nếu đã bó - buộc nhân-trí vào một cái khuôn nhất-định, nhỏ-hẹp không bao giờ được thay-đổi, thì nhân-trí còn mở-mang ra sao được? Cái lối chuyên-chế nhỏ-hẹp ấy dù có lợi nữa thì cũng chỉ lợi được một thời, mà cái hại đến mấy mươi đời.

Cái học của Tuân-tử sở dĩ kết-quả thành ra cái chủ-nghĩa hẹp-hòi về công-dụng và cái chính-sách chuyên-chế, là căn-bản ở cái thuyết tính ác. Đã cho cái tính người ta là ác, thì tất-nhiên phải dùng cái chính-sách chuyên-chế mà trừng-trị. Đó là vì Tuân-tử không đạt tới cái lý siêu-việt hình-nhi-thượng và lại kíp về việc cứu-thời, cho nên mới lập ra cái thuyết ấy. Hậu-nho lấy điều ấy mà chê Tuân-tử nhất là đến đời Tống, các nho-giả công-kích cái thuyết tính ác kịch-liệt hơn nữa, thật là không lầm vậy.

Xét kỹ về đường thực-dụng thì Mạnh-tử và Tuân-tử tuy mỗi người có một ý - kiến cao thấp khác nhau, nhưng hai người cùng theo một mục - đích: Mạnh - tử nói tính thiện là khuyên người ta làm điều lành, mà Tuân-tử nói tính ác là răn người ta làm điều ác. Hai ông đều có ý khuyến-miễn người ta làm điều thiện, bỏ điều ác. Nếu ta đem hai cái thuyết ấy mà so với cái nghĩa câu *tính tương cận* của Khổng - tử thì thấy rõ mỗi thuyết thiên về một mặt. Nói tính thiện thì không nhận có hạng hạ - ngu, mà nói tính ác thì không nhận có bậc thượng-tri. Chẳng qua là hai ông đều bởi cái lòng giận thì ghét tặc mà nói ra như thế. Tuy-nhiên hai ông vẫn lấy Khổng-tử làm quyền-hành, cho nên dầu có quá và bất cập, cũng không mất cái tiếng là bậc đại-hiền trong Nho-giáo. Vậy nên từ đời Tần đời Hán đến

đời Đường, các học-giả thường đề Tuân-tử đứng ngang với Mạnh-tử.

Cái học của Tuân-tử, tuy về sau vẫn có thế-lực, nhưng không bằng cái học của Mạnh-tử, là vì cái học của Tuân-tử thấp và hẹp. Cũng vì thế mà sách của Mạnh-tử, thì từ xưa đã có bọn bác-sĩ truyền-tập, chú-thích rõ-ràng, cho nên có nhiều người đọc. Sách của Tuân-tử thì trước nhà Đường không thấy có ai chú-thích, và lại biên đi chép lại càng ngày càng sai-lạc thêm, có chỗ thì chữ nọ viết ra chữ kia, có chỗ thì thừa ra mấy chữ, có chỗ lại thiếu đi hàng mấy câu, cú đẩu hồ-đồ, mạch-lạc không được phân-minh. Bởi vậy có nhiều đoạn ý-nghĩa tối-tăm, làm cho ai đọc cũng chán-nản, thành-thử cái học của ông không được thịnh-hành như cái học của Mạnh-tử.

Nay ta đã xét rõ cái học của Tuân-tử, ta có thể nói rằng cái học ấy không phải là không có giá-trị, song kẻ học-giả cần phải biết cái nên lấy, cái nên bỏ. Phần nên lấy cũng khá nhiều, mà phần nên bỏ thì có mấy điều trọng-yếu ta đã kể rõ, để ai xem thì nên chú ý mà xét cho kỹ. Bởi vì cái học của ông bỏ mất phần hình-nhi-thượng và thiên về cái thuyết tính ác, chú-trọng về đường công-dụng, cho nên về sau môn-đệ của ông là bọn Hàn Phi và Lý Tư lại càng thiên về mặt hình-pháp và mặt công-dụng rất hẹp-hòi. Đó có lẽ là vì thời-thế xui-khiến ra như thế, song cũng bởi cái học của Tuân-tử không đạt tới chỗ cao-siêu, và bởi họ Hàn và họ Lý học kém hơn nữa, cho nên mới bị bế-tắc về đường công-lợi mà bỏ mất cái học công-chính và hoảng-đại của Khổng-giáo vậy.

THIÊN X

CUỐI ĐỜI CHIẾN-QUỐC VÀ ĐỜI NHÀ TẦN

(247-202 trước Tây-lịch)

THỜI - KỲ TRUNG SUY CỦA NHO - GIÁO

Nho-giáo truyền đến đời Chiến-quốc phải một thời trung-suy. Tình-thế xã-hội Tàu thuở ấy loạn-lạc đến cực điểm : phong-tục bại-hoại, luân-thường đổ nát, vua chúa các nước chỉ chăm lo việc chiến-tranh, hết nước này đánh nước nọ, thì đến nước nọ đánh nước kia, việc can-quả không lúc nào nghỉ. Ở ngoài thì có Cường-Tần hà-hiếp và xâm-lược, ở trong thì việc chính-trị rối-loạn. Những nhà học-giả phần nhiều hoài-bão cái tư-tưởng hoài-nghĩ của họ Lão họ Trang, khuynh-hướng về mặt tiêu-cực, cho đời người có hạn, mà sự tri-thức thì vô cùng, đâu có học-tập tìm-kiếm cũng không biết thế nào là thật phải, thế nào là thật trái. Bởi cái tư-tưởng hoài-nghĩ ấy cho nên người ta bỏ mất cái lòng tin-ngưỡng về chân-lý và sự tiến-hóa. Còn những người muốn cứu đời thì thấy sự học cao-xa không có ích ngay cho việc đương thời, đều chú-trọng ở sự công-dụng thiên-cận, và thiên về mặt hình-pháp, chủ-trương cái thủ-đoạn chuyên-chế mà bắt-buộc nhân-chúng phải phục-tùng những nhà có quyền-thế. Vì những lẽ ấy, các học-phái đều mất dần đi, chỉ còn lại cái học-phái hình-danh, chuyên-chú về mặt chính-trị.

Nho-giáo vốn là cái học tích-cực có cái tông-chỉ rất cao-minh, thế mà đến bấy giờ cũng biến-thiên ra cái học

chuyên trị về mặt hình-pháp, chỉ cầu lấy sự công-dụng hẹp-hòi trước mắt. Ấy là đủ biết cái học-thuật ở cuối đời Chiến-quốc đã suy-kém lắm vậy.

Sự biến-thiên ấy có thể chia ra làm ba độ. Lúc đầu Khổng-tử lấy « nhân » mà dạy người ta cách đối thời dục vật, tức là lấy cái trực-giác mãn-nhuệ mà theo thiên-lý để xử trị mọi việc cho hợp thời thuận-lý, khiến vạn vật các đặc kỳ sở và giữ được cái sinh-thù ở đời. Thật là một sự học có thái-độ rất ung-dung hoằng-đại, đáng làm cơ-sở cho sự học của người quân-tử.

Cái học ấy truyền được hơn một trăm năm, Mạnh-tử lại phát-minh ra cái mối tâm-học rõ-ràng hơn nữa. Ông dạy người ta giữ lấy cái bản-tâm rất linh-diệu, tự nó sáng-suốt, khiến ta biết rõ chân-lý ở đời. Theo cái học của ông mà hễ người nào giữ được cái tâm sáng-suốt thì biết « nhân » là nhà rộng ta ở, « nghĩa » là cái đường lớn ta đi, không bao giờ bị cái lợi và cái dục làm cho ta lầm đường lạc lối. Nho-giáo truyền đến đó tuy về đường hình-thức có một vài điều hơi khác cái học của Khổng-tử, nhưng tinh-thần vẫn là một.

Cách Mạnh-tử độ mấy chục năm thì có Tuân-tử xướng lên cái thuyết tính ác và lại chú-trọng ở sự dùng lễ mà kiềm-sức cái tính ác. Tuy ông vẫn giữ cái nền nhân-nghĩa trung-tín để làm cơ-sở cho sự giáo-hóa, nhưng ông thiên về mặt công-dụng và chủ-trương thủ-đoạn chuyên-chế lễ trừ bỏ những điều mà ông cho là tà thuyết, bi từ. Cái kết-quả của sự học ấy gây thành cái chính-trị chuyên-chế ở đời nhà Tần.

Ấy là từ đời Xuân-thu đến cuối đời Chiến-quốc cái học của Nho-giáo đã biến-thiên đi như thế. Hết đời Tuân-tử thì trong Nho-giáo chỉ còn có một người trừ danh hơn cả là Hàn Phi; song Hàn Phi lại không phải là người chân-nho nữa, cho nên ta có thể nói rằng Nho-giáo truyền đến đầu đời nhà Tần là đã gián-đoạn.

Hàn Phi. Hàn Phi 韓非 là một vị công-tử nước Hàn, cùng với Lý Tư 李斯 theo học Tuân-tử. Song Lý Tư vẫn chịu Hàn Phi giỏi hơn mình. Hàn Phi có tật nói ngọng, không đàm-thuyết được, cho nên hay làm sách. Ông thấy nước Hàn suy-nhược, thường hay dâng thư lên Hàn-vương đề bày-tỏ cái đạo trị nước, nhưng Hàn-vương không dùng. Sau nước Tần đánh nước Hàn nguy-cấp lắm, vua nước Hàn sai ông đi sang sứ nước Tần. Vua nước Tần (tức về sau là vua Thi-hoàng), đã xem sách của Hàn Phi, vẫn có lòng kinh-phục, muốn dùng ông, nhưng lúc ấy bạn ông là Lý Tư đã làm tướng nước Tần, sợ ông được trọng-dụng thì tranh mất quyền-lợi của mình, bèn nói dèm với vua nước Tần, bắt bỏ ngục. Lý Tư lại sai người đưa thuốc độc cho ông uống mà tự-tử. Hàn Phi tuy không được dùng ở đời, nhưng cái học của ông sau đem thi-hành ra ở nước Tần.

Hàn Phi là môn-đệ Tuân-tử, nhưng vì cái học của ông thiên về mặt hình-pháp, không phải là tông-chỉ của Nho-giáo, vậy nên không thể cho ông vào hạng học-giả, đại-biểu Nho-giáo được. Tuy-nhiên cái học của ông có quan-hệ đến sự trung-suy của Nho-giáo, nên chỉ ta lược qua một vài điều để bày-tỏ cái học ấy là thế nào.

Sách của Hàn Phi làm ra hiện nay có tất cả là 55 thiên, trước gọi là *Hàn-tử*, rồi đến đời nhà Tống, các nho-giả sợ người ta lầm với Hàn Dũ ở đời Đường, cho nên mới đổi là *Hàn Phi-tử*. Trong 55 thiên ấy có nhiều thiên không phải là nguyên-văn của tác-giả. Song xét kỹ sách ấy ta cũng có thể biết rõ cái phần tinh-hoa vậy.

Trong sự học có hai lối tìm chân-lý. Một là dùng trực-giác, tức là dùng cái sáng-suốt tự-nhiên của tâm mà biện-biệt các sự-vật; hai là dùng lý-trí mà suy-xét các sự-vật. Lối thứ nhất thì biết rất nhanh và thấu ngay tới tinh-thần sâu-xa. Lối ấy chính là lối Khổng-tử và Mạnh-tử thường dùng. Học theo lối ấy thì lúc nào cũng cần phải có cái tâm hư-tĩnh để tu-dưỡng cho đến bậc nhân, thì rồi mới có

cái trực-giác mẫn-nhuệ và mới có cái biết rất sáng-suốt. Song theo cái học ấy thì có một điều rất khó là ai biết cái gì thì tự mình ý-hội lấy mà thôi, chứ thường không thể lấy lời nói mà giải rõ ra hết các ý-nghĩa được, vậy nên mới gọi là tâm-đắc, phi hạng trung-nhân dĩ thượng có tư-cách đặc biệt thì không học được. Hạng trung-nhân dĩ hạ, dẫu có học cũng không thành-tựu, bởi thế cho nên có người học mất rất nhiều công-phu mà vẫn *mang vô sở đắc* 茫無所得, nghĩa là vẫn mơ-màng không có cái gì là sở đắc. Học như thế thì không bổ-ích gì. Cũng vì thế cho nên thành ra bao nhiêu người học đạo thánh-hiền mà vẫn không hiểu được đạo của thánh-hiền.

Lối thứ hai thì dùng lý-trí mà suy sự-lý nọ đến sự-lý kia, cho đến cái sự-lý cuối cùng. Lối ấy chính là lối của Mặc-tử bên Mặc-giáo và Tuân-tử bên Nho-giáo thường dùng. Học theo lối này thì bất cứ hạng người trung-nhân dĩ thượng hay trung-nhân dĩ hạ cũng có thể học được, mà đã học cái gì thì biết tinh-tường cái ấy, và có thể phụ-diễn ra lời nói rất rõ-ràng. Bởi thế cho nên phải nói nhiều và viết nhiều, trái với cái lối tâm-học chỉ muốn « bắt ngôn nhi giáo ». Lối dùng lý-trí có mấy điều không lợi, là những điều thuộc về phần bi-phu ở ngoài, ít khi thấu tới phần cốt-tủy ở trong. Mà có thấu tới phần sâu-xa nữa, thì cũng chỉ xét mặt nào biết mặt ấy mà thôi, chứ không thể quán-xuyến được hết các mặt khác. Lý-trí lại dễ uốn ra mặt nào cũng được, và nó hay tùy-tùng cái tư-tâm tư-ý của người ta mà gây thành cái ý-kiến thiên-lệch. Thi-dụ : một điều theo lẽ tự-nhiên là phải, nhưng vì lòng ghét rồi lấy lý-trí mà viện ra các lẽ cho là trái được ; hoặc một điều trái thật, nhưng vì lòng yêu, rồi lấy lý-trí mà viện ra các lẽ để cho là phải được. Cái lý-trí của người ta dễ uốn như thế, thì lấy gì làm chắc ? Vậy nếu bỏ cái tâm sáng-suốt, mà chỉ theo cái lý-trí không chắc chắn thì thường hay có nhiều sự sai-lầm mà không biết.

Những chân-lý ở đời ví như các con đường đi trong rừng rậm. Người có trực-giác sáng rõ tự hồ người bay bổng lên trên cao, trông xuống thấy rõ các con đường đi ngang đi dọc. Người theo lý-trí thì hình như người len-lỏi theo một con đường, đi đường nào chỉ biết đường ấy, còn ở bên cạnh có những đường nào khác nữa không biết. Hoặc có biết thì cũng không biết hết cả mọi đường. Ấy hai lối khác nhau là thế, mỗi lối có cái sở trường và cái sở đoản, kẻ học-giả nên tế-nhận để biết cho rõ.

Hàn Phi học theo Tuân-tử dùng lý-trí mà suy-luận cho đến cùng, tất phải thiên về mặt hình-pháp và mặt công-dụng, kết-quả là thành cái chế-độ chuyên-chế độc tôn. Nguyên cái học của Tuân-tử đã có nhiều điều xa cái tông-chỉ của Khổng-giáo, đến Hàn Phi thì trái hẳn cái tông-chỉ ấy.

Khổng-giáo lấy những bậc thánh-hiền đời cổ làm tiêu-chuẩn là cốt dạy người ta biết dùng những điều nhân-nghĩa để tùy thời mà ứng-dụng cho hợp thời và thuận lý, chứ có phải là bảo nên theo cho đúng những sự-nghiệp của thánh-hiền đã làm đâu. Hàn Phi không hiểu lẽ ấy, cho nên mới nói ở thiên *Ngũ-đổ* rằng : « Đời thượng-cổ, người ít, cầm-thú nhiều, thánh-nhân chum cây làm tổ để tránh các loài thú dữ làm hại ; người ta ăn trái cây cùng các loài sống-sít hời-tanh, thánh-nhân dùi gỗ lấy lửa để nấu chín mà ăn cho khỏi bệnh-tật. Đời trung-cổ nước lụt mênh-mông, ông Cồn ông Vũ khơi ngòi cho nước chảy. Đời cận cổ vua Kiệt vua Trụ tàn-bạo, vua Thang vua Vũ phải chinh-phạt. Nay nếu có người chum cây làm tổ, dùi gỗ lấy lửa ở đời nhà Hạ, thì tất bị ông Cồn ông Vũ cười ; nếu có người khơi ngòi cho nước chảy ở đời nhà Ân, nhà Chu, thì tất bị vua Thang vua Vũ cười. Vậy nay có người cho đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Võ là hay ở đương thời, tất là bị bậc thánh đời nay cười. Ấy là bậc thánh-nhân không vụ theo cổ, không bắt-chước cái đạo thường khả, chỉ xét việc đời và nhân đó mà phòng-bị ».